

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG THÔNG BÁO SỐ 2583/TB-UBND NGÀY 11/8/2026

| Thông báo số 541/TB-UBND ngày 30/6/2025 |                             |              |              |          |                | Thông báo số 391/TB-UBND ngày 29/10/2025 |                                   | Thông báo số 2583/TB-UBND ngày 11/8/2026 |              |          |                | Nội dung điều chỉnh, bổ sung    |                  |              |          |                |
|-----------------------------------------|-----------------------------|--------------|--------------|----------|----------------|------------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------|--------------|----------|----------------|---------------------------------|------------------|--------------|----------|----------------|
| STT                                     | Đối tượng thu hồi đất       | Số hiệu thửa | Tờ bản đồ số | Loại đất | Diện tích (m2) | Đối tượng thu hồi đất sau khi điều chỉnh | Diện tích sau khi điều chỉnh (m2) | Số tờ bản đồ mới                         | Số hiệu thửa | Loại đất | Diện tích (m2) | Đối tượng thu hồi đất           | Số tờ bản đồ mới | Số hiệu thửa | Loại đất | Diện tích (m2) |
| 1                                       | Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Lộ | 2            | 20           | BCS      | 40,0           | Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải          | 40,0                              | Giữ nguyên                               |              |          |                |                                 | 159              | 2            | BCS      | 11,9           |
| 2                                       | Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Lộ | 13           | 20           | NTD      | 340,7          | Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải          | 340,7                             | Giữ nguyên                               |              |          |                |                                 | 159              | 13           | NTD      | 269,4          |
| 3                                       | Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Lộ | 61           | 20           | DGT      | 484,2          | giữ nguyên                               |                                   | Giữ nguyên                               |              |          |                | Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải | 159              | 61           | DGT      | 312,1          |
| 4                                       | Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Lộ | 71           | 20           | DTL      | 306,4          | Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải          | 306,4                             | Giữ nguyên                               |              |          |                |                                 | 159              | 71           | DTL      | 187,6          |
| 5                                       | Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Lộ | 1            | 21           | DGT      | 110,2          | Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải          | 110,2                             | 160                                      | 1            | DGT      | 211,7          |                                 | 160              | 1            | DGT      | 256,1          |
| 6                                       | Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Lộ | 64           | 21           | DGT      | 64,2           | giữ nguyên                               |                                   | Giữ nguyên                               |              |          |                | Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải | 160              | 64           | DGT      | 38,3           |
| 7                                       | Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Lộ | 102          | 21           | DGT      | 109,9          | giữ nguyên                               |                                   | Giữ nguyên                               |              |          |                | Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải | 160              | 102          | DGT      | 69,8           |
| 8                                       | Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Lộ | 277          | 21           | DGT      | 15,3           | giữ nguyên                               |                                   | Giữ nguyên                               |              |          |                | Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải | 160              | 277          | DGT      | 6,5            |
| Tổng cộng                               |                             |              |              |          | 174.059,5      |                                          | 172.596,7                         |                                          |              |          | 89.152,8       |                                 |                  |              |          | 1.151,7        |